TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/*2019*/HNGĐ-ST
Ngày: 06/06/2019
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chương - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Minh

2. Ông Nguyễn Anh Đức

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Trang - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Tô Xuân Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 06 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 514/2018/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST -HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thu T - Sinh năm 1984.

HKTT: Tổ 29, cụm 4, phường X, quận T, Hà Nội.

Chỗ ở: Số 85, ngõ 147B đường T, phường TM, quận H, Hà Nội (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Thế C - Sinh năm 1969.

HKTT: Tổ 29, cụm 4, phường X, quận T, Hà Nội.

Chỗ ở: Đường PTT, xã V, huyện T, Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện gửi cho Tòa án ngày 07/6/2018 cùng các lời khai***

trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thu T trình bày:

- Về tình cảm: Chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2007 tại UBND phường T, quận HBT, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống ở số 80, ngõ 2 đường X, phường X, quận T, Hà Nội. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 07/2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau. Anh C không tin tưởng chị, áp đặt quan điểm chị. Anh chị đã ly thân từ tháng 01/2009 đến nay. Hai vợ chồng không còn quan hệ gì với nhau. Mặc dù vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng mâu thuẫn của hai vợ chồng chị không khắc phục được. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ chung sống hạnh phúc. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 22/11/2008. Ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Y và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang là Giám đốc Công ty cổ phần thương mại quốc tế T, địa chỉ: Tầng 2 nhà 5, ngõ 98 đường T, huyện T, Hà Nội. Thu nhập của chị là 50.000.000 đồng/tháng. Cháu Y sống cùng chị từ nhỏ và đang sống tại số 85, ngõ 147B đường T, phường T, quận H, Hà Nội là nhà bố mẹ đẻ chị.

- Về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xác nhận chị là thành viên của Công ty TNHH xây dựng thiết bị TNT nhưng chị chỉ đứng tên trên giấy tờ, không góp vốn hay điều hành công ty. Chị không nhận bất kỳ quyền lợi gì từ công ty.

**** Bị đơn là anh Nguyễn Thế C trình bày:***

- Anh thống nhất với trình bày của chị T về thủ tục kết hôn. Quá trình chung sống sau khi kết hôn vợ chồng anh chị cũng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ hàng ngày. Anh chị có bất đồng trong công việc nhưng không cãi nhau thường xuyên chỉ xô xát với nhau 01 lần. Mỗi lần vợ chồng cãi nhau anh C có bỏ đi khỏi nhà nhưng anh không nhớ là đi bao lâu, cũng do anh hay phải đi công tác nên không về nhà. Chị T đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống được 3 năm nay. Anh Chị đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ khi chị T chuyển về nhà mẹ đẻ sống. Anh vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn với chị T. Anh mong chị T quay về nhà anh sống để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái nhưng vẫn chưa nói chuyện được với chị T từ lúc chị T bỏ về nhà mẹ đẻ.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 22/11/2008. Ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Y và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh đang là Giám đốc Công ty TNHH Thiết bị phụ tùng TMT (Địa chỉ: 65 đường NX, phường H, quận TX, Hà Nội) thu nhập là 80.000.000 đồng/tháng. Nếu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Y, anh và cháu Y sẽ sống tại nhà bố mẹ đẻ anh ở số 80 ngõ 28 đường X, phường X, quận T, Hà Nội.

- Về tài sản chung, nhà ở và công nợ: Trong quá trình chung sống anh Cường và chị Trang góp vốn hoạt động cho Công ty TNHH Xây dựng thiết bị TMT (Địa chỉ: 64 đường T, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai). Đề nghị Tòa án phân chia theo quy định.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là chị Lê Thu T vẫn giữ quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thế C. Anh chị không có tài sản chung, nhà ở và công nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với việc góp vốn vào Công ty TNHH Xây dựng thiết bị TMT chị chỉ đứng tên trên giấy tờ và không có đóng góp gì vào công ty nên chị không yêu cầu chia tài sản và từ chối nhận mọi tài sản có được từ công ty (nếu công ty hoạt động có lãi). Trường hợp nếu anh C có tranh chấp với chị về tài sản, công nợ từ hoạt động của công ty thì chị và anh C sẽ giải quyết ở vụ án khác.

- Bị đơn là anh Nguyễn Thế C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Chị T và anh C phát sinh mâu thuẫn đã lâu, vợ chồng ly thân từ tháng 01/2009 đến nay không còn tình cảm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh C.

Về con chung: Giao con chung của chị Lê Thu T và anh Nguyễn Thế C là cháu Nguyễn Hoàng Y sinh ngày 22/11/2008 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, nhà ở và công nợ: Chị T xác nhận chị và anh C không có tài sản chung, nhà ở và công nợ chung nên không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với yêu cầu của anh C đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng trong Công ty TNHH Xây dựng thiết bị TMT thì chị từ chối mọi tài sản có được từ công ty, nếu anh C có tranh chấp về tài sản, công nợ từ Công ty TMT với chị thì hai bên sẽ giải quyết trong vụ án khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng: Anh Nguyễn Thế C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh C.

* Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thu T và anh Nguyễn Thế C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2007 tại UBND phường T, quận HBT, thành phố Hà Nội. Chị T yêu cầu ly hôn với anh C vì sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chỉ chung sống hạnh phúc đến tháng 07/2008 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, anh C không tin tưởng chị, áp đặt quan điểm đối với chị. Chị và anh C đã ly thân từ tháng 01/2009 đến nay. Hai vợ chồng không còn quan hệ gì với nhau, không ai quan tâm đến ai nữa. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Nếu duy trì hôn nhân cũng chỉ gây ức chế, căng thẳng cho các bên mà không đạt được mục đích là duy trì cuộc sống chung hoà thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thu T.

* Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 22/11/2008. Ly hôn chị T cũng như anh C đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Y. Tuy nhiên, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án chỉ có chị T cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh về điều kiện nuôi con, cụ thể chị Tr có mức thu nhập là 50.000.000 đồng/tháng, nếu ly hôn thì chị và cháu Y sẽ về sống tại nhà bố mẹ đẻ chị ở 85, ngõ 147B đường T, phường T, quận H, Hà Nội. Anh C khai anh có thu nhập 80.000.000 đồng/tháng, nếu ly hôn anh và cháu Y sẽ sống tại nhà bố mẹ đẻ anh ở số 80 ngõ 28 đường X, phường X, quận T, Hà Nội nhưng anh C không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh lời khai này của anh là có căn cứ. Mặt khác, từ khi chị T và anh C ly thân cháu Y đều sống cùng với mẹ, do chị T chăm sóc nuôi dưỡng, hơn nữa cháu là con gái đang tuổi dậy thì cần sự ổn định về tâm, sinh lý nên cần có quan tâm, gần gũi của người mẹ. Khi được Tòa án hỏi ý kiến cháu Y đã trình bày nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Trên cơ sở đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, duy trì sự ổn định, phát triển của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82 luật hôn nhân gia đình giao con chung của anh chị cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu của anh C đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng anh chị có từ Công ty TNHH Xây dựng thiết bị TMT (Địa chỉ: 64 đường T, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai): Anh C là người đưa ra yêu cầu này nhưng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ về tài sản chung vợ chồng ở công

ty để xem xét, giải quyết. Chị T không yêu cầu chia và từ chối mọi tài sản có được từ Công ty TNHH Xây dựng thiết bị TMT (nếu công ty hoạt động có lãi). Trường hợp nếu anh C có tranh chấp với chị về tài sản, công nợ từ hoạt động của công ty thì chị và anh C sẽ giải quyết ở vụ án khác.

Chị Trang phải nộp án phí LHST theo quy định.

* Về án phí: Chị Lê Thu T phải chịu 300.000đồng án phí LHST theo quy định tại khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 luật hôn nhân gia đình;

- Khoản 1 Điều 28 và các điều 35, 147, 207, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Thế C.

2. Về con chung: Giao chị Lê Thu T nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 22/11/2008. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp chị T và anh C có tranh chấp về tài sản, công nợ chung vợ chồng phát sinh từ Công ty TNHH Xây dựng thiết bị TMT (Địa chỉ: 64 đường T, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai) các bên có quyền khởi kiện để giải quyết ở vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Lê Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số AA/2012/06667 ngày 18/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Hà Nội. Chị Tr đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thế C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chương